

---

## THÔNG TIN – TRAO ĐỔI

---

### Về hiện tượng tiếng Anh của người Việt hay Vietlish

Ngô Hữu Hoàng\*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá các nước nói tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ,  
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 09 tháng 5 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 7 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 8 năm 2013

**Tóm tắt:** Hoà trong sự phát triển và mở rộng toàn cầu của tiếng Anh (TA), người Việt có một quá trình tiếp cận và sử dụng ngôn ngữ này khá lâu dài và thú vị. Qua đó, dường như họ đã và đang hình thành một biến thể TA mang bản sắc Việt trong hệ thống biến thể TA thế giới (World Englishes). Từ quan sát này, bài viết thảo luận xung quanh câu hỏi là liệu TA được sử dụng ở Việt Nam đã trở thành một biến thể trong hệ thống này hay chưa và liệu có thể gọi nó là ‘TA người Việt’ (Vietnamese English) hay nói ngắn gọn là ‘Vietlish’ hay không ?

*Từ khoá:* tiếng Anh, Vietlish, tiếng Anh Việt Nam, tiếng Anh bản ngữ, tiếng Anh phi bản ngữ, biến thể, ngôn ngữ, văn hoá

#### 1. Giới thiệu

Như đã biết, tiếng Anh (TA) là một ngôn ngữ có rất nhiều biến thể (varieties). Ngoài các biến thể bản ngữ được nói ở các nước Anh, Mỹ, Úc, Canada,... ngôn ngữ này đã và đang bị phân hoá thành ‘*những loại tiếng Anh thế giới*’ (World Englishes) [1], [2], tồn tại và phát triển trên khắp các châu lục. Đó là một thuật ngữ mà gần đây người ta có khuynh hướng sử dụng để mở rộng khái niệm TA không chỉ thuộc về những nước nói TA bản ngữ mà còn chỉ các ‘loại’ TA được dùng bởi hầu hết những quốc gia không nói ngôn ngữ này như tiếng mẹ đẻ. Hình thức số nhiều của ‘Englishes’ khẳng định

bất kỳ một biến thể TA nào cũng đều có thể được gọi là biến thể TA, ‘bất chấp nó có tính chuẩn mực bản ngữ hay không và bất chấp người nói là ai’ [2]. Từ đó, người ta đã bắt đầu quen dần với những tên gọi TA như TA (của người) Ấn Độ (Indian English), TA châu Phi (African English), TA Philippin (Philippinal English), TA Singapore (Singapore English), thậm chí TA Nhật (Japanese English), TA Hàn Quốc (Korean English) ...

Từ quan sát này, bài viết thảo luận xung quanh câu hỏi là liệu TA được sử dụng ở Việt Nam đã trở thành một biến thể trong hệ thống ‘World Englishes’ hay chưa và liệu chúng ta có thể gọi nó là ‘TA người Việt’ (Vietnamese English) hay nói ngắn gọn là ‘Vietlish’ hay không?

---

\* Tel.: 84-1647087320

Email: hhoang161@yahoo.com

## 2. ‘World Englishes’ trong mối quan hệ với sự khuếch tán và ‘khuếch tán ngược’ của TA

Có nhiều cách hiểu và nhiều mô hình khác nhau biểu diễn khái niệm ‘World Englishes’ nhưng bài viết dựa trên mối quan hệ của nó với mô hình ‘ba vòng tròn đồng tâm’ (Three Concentric Circles of English) của Kachru [3], nhấn mạnh sự trải rộng của TA (English spread) qua thời gian kéo theo nhiều biến thể TA mới ngoài TA ở khu vực có người Anglo-Saxons sinh sống và nói TA như tiếng mẹ đẻ. Qua mô hình Kachru, có thể hiểu ‘World Englishes’ bao gồm vòng *Tâm* (Inner circle) thuộc về các nước nói TA như tiếng mẹ đẻ, vòng *Ngoài* (Outer circle) thuộc về các nước là thuộc địa cũ của Anh, Mỹ và vòng *Mở rộng* (Expanding circle) thuộc về tất cả các nước nói TA như một ngoại ngữ. Có thể thấy TA đã và đang được sử dụng phổ biến khắp nơi trên thế giới, nói cách khác, đó là hiện tượng ‘khuếch tán ngôn ngữ’ (language diffusion) khắp toàn cầu. Sự khuếch tán này được coi là có những ảnh hưởng sâu sắc đến cộng đồng ngôn ngữ-văn hoá khác, nơi TA du nhập và phát triển như ngôn ngữ hai và ngoại ngữ trong giao tiếp liên văn hoá.

Tuy nhiên, logic mà nói, sự trải rộng toàn cầu của TA gây ảnh hưởng lên ngôn ngữ-văn hoá khác bao nhiêu thì đến lượt nó cũng bị ảnh hưởng ngược lại bấy nhiêu. Nói cách khác, TA ngày nay đã và đang bị bản địa hoá (nativization/indigenization) bởi hầu hết các quốc gia sử dụng nó như ngôn ngữ thứ hai và như một ngoại ngữ. Ví dụ, khi người Ấn Độ nói ‘You like India, *isn’t it?*’ (Bạn thích Ấn Độ, đúng không?) thì ‘*isn’t it?*’ là một dấu hiệu lịch sự của người Ấn Độ thay vì ngữ pháp truyền thống của TA bản ngữ là ‘*don’t you?*’. Hay như một trong những lời hướng dẫn bằng TA đầy thú vị của Trung Quốc trong Đại hội Thể thao

thế giới năm 2008 là ‘If you are stolen, please come to the nearest police station’ (Nếu bạn bị mất cắp, hãy đến đồn công an gần nhất) thay vì ‘If you have something stolen/lost, please let the police know’. Khi đến các nhà ga của Nhật, người ta dễ dàng thấy những hướng dẫn kiểu ‘Ask the station employee about the trouble’ (Hãy báo nhân viên nhà ga nếu bạn bị phiền toái) thay vì ‘Let the station employee know if you have any trouble’. Còn những cách diễn đạt như ‘Selling of clothes and man’s shoes’ (Bán quần áo và giày dép nam) thì có thể thấy khắp nơi ở các nước châu Á.

Những hiện tượng trên, xét về nhiều khía cạnh từ hình thức ngôn ngữ đến tư duy, văn hoá-xã hội,...có vẻ như là bằng chứng ngày càng rõ nét về hiện tượng TA đang dần trở thành những biến thể mang dấu ấn ngôn ngữ-văn hoá của khu vực nơi chúng được sử dụng. Vấn đề chỉ là mức độ. Vì vậy không phải ngẫu nhiên mà người ta nghĩ ra những cách gọi các phiên bản TA mới này theo kiểu cấu tạo của từ ‘English’ (England + ish) như ‘Singlish’ (Singapore + lish, TA Sing-ga-po) ‘Indish’ (India + ish, tiếng Anh Ấn), ‘Thaidish’ (Thai + ish, TA Thái) ‘Chinish’ (China + ish, TA Trung Quốc), ‘Japlish’ (Japan + ish, TA Nhật),... Và tất nhiên cũng không loại trừ vấn đề gây tranh cãi là có một ‘Vietlish’ (Vietnam + ish) hay không.

## 3. Điểm qua về quá trình tiếp cận TA như một ngoại ngữ của người Việt

Trước hết, điều đầu tiên cần phải xét đến là quá trình tiếp cận TA của người Việt. Phải nói rằng Việt Nam là một trong những quốc gia có truyền thống học TA như một ngoại ngữ khá lâu dài và đầy kịch tính [4]. Người ta đã tìm thấy các bằng chứng của việc TA có mặt ở Việt

Nam từ thời Pháp thuộc [5] tuy mức độ không đáng kể. Sau đó (từ 1954) là thời kỳ TA chịu ảnh hưởng người Nga ở miền Bắc và TA chịu ảnh hưởng người Mỹ ở miền Nam. Sau 1975, việc học TA có phần chững lại vì ảnh hưởng của tiếng Nga cho đến khi nó bùng lên thành một cơn sốt cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 của thế kỷ trước nhờ chính sách đổi mới và hội nhập của Việt Nam. Thời kỳ hậu WTO, TA ở Việt Nam lại có một bước ngoặt mới, đóng vai trò của một ngôn ngữ thực sự làm chủ các kênh thông tin liên lạc và giao tiếp toàn cầu. Nó chính thức trở thành một ngoại ngữ không chỉ bắt buộc trong các trường tiểu học, trung học và đại học mà còn là ‘một tấm vé thông hành cho một người đi đến thành công’ [4], đặc biệt đối với các nhà chuyên môn, nghiên cứu khoa học, doanh nhân, kinh tế, ngoại giao,...

Bắt đầu từ lúc ấy, người Việt được tiếp cận các nguồn TA từ nhiều nước nói TA bản ngữ với những công ty, tổ chức thương mại, những chương trình hợp tác, tài trợ giáo dục và đào tạo ào ạt đổ vào. Đồng thời người Việt cũng có cơ hội tiếp cận với các nguồn TA phi bản ngữ khác từ nhiều quốc gia trên thế giới, trước hết là các nước Đông Nam Á, kể đến là châu Á Thái Bình Dương và châu Âu, những nơi giao lưu về nhiều mặt với Việt Nam bằng TA như một công cụ để giao tiếp. Việc học TA không còn bị cô lập trong nhà trường nữa mà bùng phát thành cơn sốt ngoại ngữ và lan ra khắp xã hội ... Người Việt xác định học TA để xây dựng kinh tế, tiếp thu và trao đổi kiến thức khoa học, coi đó là chuẩn mực về trình độ phổ quát của công dân, ... Và việc hội nhập với thế giới trong bối cảnh toàn hoàn hoá đã dần chuyển TA thành một ngôn ngữ giao tiếp toàn cầu. Chính điều này làm nên sự khác biệt lớn cho cơn sốt TA của thời kỳ hội nhập và đổi mới mà Nunan [6] đã mô tả như là “một điều bắt buộc cho sự thành công trong cả học tập và làm việc”.

#### 4. Vietlish: khái niệm, biểu hiện và những tranh cãi

##### 4.1. Vietlish là gì?

Trước hết, chúng tôi khẳng định bài viết này không coi Vietlish là loại ‘TA’ hài hước pha lẫn kỳ quái như kiểu ‘Ugly tiger’ là ‘xấu hổ’, ‘Like is afternoon’ là ‘thích thì chiều’ hoặc ‘No star where’ là ‘không sao đâu’ như các trang mạng đã đưa ra hoặc một loại TA cầu thả như viết sai chính tả, kiểu ‘baby on board’ thành ‘baby on road’, ‘for staff’ thành ‘for stuff’, v.v.

Vietlish, theo từ điển Wikipedia [7], là một thuật ngữ chỉ một ‘*khái niệm chưa được phổ biến ở Việt Nam nhưng nó đã xuất hiện trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại*’ nơi mà người Việt dù ở ngay trên những đất nước nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, dù hàng ngày hấp thụ văn hoá-ngôn ngữ của người nói TA, vẫn không từ bỏ được thói quen văn hoá-ngôn ngữ của họ, từ đó hình thành nên những cách nói TA mang màu sắc của ngôn ngữ và văn hoá Việt ở mọi cấp độ và mọi hình thức<sup>1</sup>. Tương tự, khi xét đến việc sử dụng TA ngay trong đất nước Việt Nam, có thể thấy tình trạng ‘Việt hoá’ và ‘quốc tế hoá’ TA là càng không thể tránh khỏi. Bởi lẽ, Việt Nam có hàng chục triệu người học và sử dụng TA nhưng trên thực tế, dưới tác động của quá trình toàn cầu hoá và nhu cầu giao tiếp liên văn hoá, người Việt không chỉ tiếp xúc với người nói TA bản ngữ mà còn (thật ra là chủ yếu) tiếp xúc với người nói TA phi bản ngữ, trong đó có tiếp xúc với chính họ<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Xin đọc thêm ‘Tiếng Việt trong cộng đồng người Việt tại Mỹ’, Ngô Hữu Hoàng, Từ điển học và Bách khoa thư, số 2-2013.

<sup>2</sup> Quan sát một lớp học TA chuyên, một lớp dạy ‘nhiệm vụ chiến lược’ trong một số trường ở ĐHQG Hà Nội, một buổi bảo vệ luận văn, luận án tiến sĩ ngành TA,... chúng ta sẽ thấy rất rõ đó là một loại TA của người Việt giao tiếp với người Việt.

Với quan niệm này, chúng tôi cho rằng việc mượn thuật ngữ ‘Vietlish’ để chỉ một biến thể TA Việt cũng là hợp lí.

Có thể nói, đây là một thuật ngữ chỉ một khái niệm nghiêm túc và khoa học, xuất phát từ hiện tượng TA bị ‘ảnh hưởng ngược’ bởi ngôn ngữ và văn hoá Việt ở Việt Nam hay bất cứ nơi nào trên thế giới có người Việt Nam sinh sống<sup>3</sup>. Người Việt tuy vẫn cố hướng tới sự chuẩn xác (hay ít nhất họ cũng nghĩ như vậy) về ngữ pháp, chính tả, hay ngữ âm, từ vựng theo quy chuẩn bản ngữ ở giai đoạn đầu của quá trình học TA nhưng trên thực tế, càng về sau, họ càng biến đổi, pha tạp và thêm bớt các quy tắc, các phong cách hoặc ý nghĩa của TA trong quá trình sử dụng. Điều này bất chấp họ vô tình hay cố ý, có TA ở trình độ cao, trung bình hay sơ đẳng, bất chấp lĩnh vực chuyên môn, học thuật hay trong giao tiếp bình thường, có hay không có năng lực ngoại ngữ. Vấn đề là, như đã nói ở trên, mức độ ‘bản địa hoá’ có thể khác nhau giữa các quốc gia. Ngoài ra cũng có thể khác nhau giữa thành viên dùng TA trong cùng một quốc gia. Ví dụ một người Việt nói TA đã từng được đào tạo ở Úc/Anh/Mỹ,... thì cấp độ Việt hoá TA của anh ta là thấp hơn một người nói TA là giáo viên TA dạy đàm thoại cấp tốc ở các trung tâm ngoại ngữ ít có cơ hội tiếp xúc với nguồn TA bản ngữ.

#### 4.2. Biểu hiện của Vietlish qua các cấp độ ngôn ngữ

Để hiểu rõ hơn về hiện tượng ‘Vietlish’, chúng tôi thiết nghĩ cần quan sát toàn bộ các vấn đề tư duy, ý niệm, giá trị văn hoá và loại hình ngôn ngữ Việt áp đặt lên TA khiến ngôn ngữ này phải chịu một hệ quả ‘khuyếch tán’

ngược. Điều này thường được biểu hiện qua các cấp độ ngôn ngữ học như ngữ âm, ngữ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng.

Trước hết là mối quan hệ với cấp độ ngữ âm-âm vị học. Theo chúng tôi, về cơ bản, sự ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và của nhiều yếu tố khác không cho phép người Việt có giọng nói (accent) và chất giọng (voice quality), phát âm (pronunciation), ngữ điệu (intonation), trọng âm từ (word stress), ... theo chuẩn mực TA bản ngữ, dù họ có nỗ lực luyện tập hay có cơ hội tiếp xúc thường xuyên và lâu dài với người nói TA bản ngữ (như trường hợp của người Việt ở hải ngoại).

Kế đến là cấp độ ngữ vựng trong mối quan hệ với văn hoá và tri nhận. Khi người Việt nói ‘Vietnam is a dragon’ (Việt Nam là một con rồng), họ đã sử dụng một từ có ý nghĩa ý niệm khác với TA bản ngữ. Đó là một ‘dragon’ có nghĩa rất tốt trong tâm thức người Việt nhưng nó lại nằm trong nhóm các con thú được xếp vào loại con vật ‘biểu trưng cho sức mạnh của tội ác’<sup>4</sup> trong từ điển TA bản ngữ. Cũng về vấn đề ngữ vựng, người Việt có khá nhiều ‘lỗi’ chuyển di đặc trưng tương tự trong việc dùng các từ như “problem” (vấn đề) theo cả hai nghĩa xấu và trung tính, “girlfriend” và “boyfriend” theo cả hai nghĩa người yêu/bò và bạn nam (male friend) và bạn nữ (female friend). Cặp từ “complicated” và “complex” trong Vietlish cũng thường bị đánh đồng. Và thật thú vị, Vietlish sính dùng WC nên có những trường hợp khách du lịch phương Tây lần đầu đến Việt Nam đứng trước một WC nhưng không dám vào vì không hiểu WC là gì! [8]. Hệ thống giáo dục, chính trị, xã hội ở Việt Nam có những bằng cấp, chức danh, loại hình đào tạo không có trong TA bản ngữ nên người Việt tự “sáng

<sup>3</sup>Tất nhiên mức độ và cách thức dùng Vietlish mà người Việt biết TA ở các trình độ, lĩnh vực; khu vực địa lý (theo mô hình ba vòng tròn đồng tâm của Kachru) là khác nhau nhưng chúng không thuộc phạm vi bài viết này.

<sup>4</sup>Định nghĩa gốc: Dragons are often portrayed in art and literature as frightening creatures representing the forces of evil. (Oxford Advanced Learners’ Encyclopedic Dictionary, 1992, page 268).

ché” ra những khái niệm này như Dr.Sc Do (Tiến sỹ khoa học Do)<sup>5</sup>, Village Secretary Minh (Bí thư xã Minh) hay những từ ngữ có trong TA bản ngữ nhưng khác về nghĩa hoặc cấp độ như Dean<sup>6</sup> chỉ “trưởng khoa/chủ nhiệm khoa” của nhiều trường sau bậc trung học ở Việt Nam, University<sup>7</sup> chỉ bất kỳ một trường đại học nào ở Việt Nam dù trường ấy có qui mô thế nào. Một trong những trường hợp khá tiêu biểu và thú vị của Vietlish trong định danh cơ quan hành chính ở Việt Nam là dùng ‘Vietnam Register’ để chỉ ‘Cục Đăng kiểm Đường bộ Việt Nam’.

Về cấp độ ngữ pháp, đó là yếu tố mà người Việt dường như tưởng là dễ dàng để vươn đến sự chuẩn mực mang tính ‘bản ngữ’ nhất thì nếu để ý người ta vẫn thấy người Việt ít khi quan tâm đến việc dùng mạo từ ‘a’, ‘the’. Ví dụ ngay trong sách/báo viết bằng TA học thuật thì cụm từ ‘English language’ hiếm khi được viết đầy đủ là “the English language”. Vấn đề danh từ ‘đếm được’ (count noun) và danh từ ‘không đếm được’ (non-count noun) cũng không được người Việt để tâm đến. Ví dụ ngay cả những luận án, luận văn của nhiều người được cho là có đào tạo bài bản vẫn dùng những từ phổ biến như ‘information’, ‘evidence’, ‘research’ với mạo từ ‘a’ hay hình thức số nhiều (tức là coi chúng như danh từ đếm được). Đa phần khi nói, người Việt (đặc biệt đối với những người có năng lực ngôn ngữ vừa đủ để sử dụng) thường ‘trung tính hoá’ động từ ngôi thứ ba số ít thời hiện tại (He go to school late every day).<sup>8</sup>

<sup>5</sup> Ở một số nước khác trong đó có những nước nói TA có bằng cấp gọi là ‘doctor of science’ nhưng về bản chất không giống với bằng ‘tiến sỹ khoa học’ của Việt Nam’

<sup>6</sup> Dean’ là một chức danh khá lớn trong hệ thống đại học của các nước nói TA bản ngữ. Nó chỉ người đứng đầu một ‘college’ trong một ‘university’ ở các nước nói TA bản ngữ.

<sup>7</sup> ‘University’ chỉ một trường đại học đa ngành thường có qui mô rất lớn ở các nước nói TA bản ngữ với nhiều trường đại học thành viên được gọi là ‘college’ (thỉnh thoảng cũng được gọi là ‘school’). Ở các nước nói TA bản ngữ, thường không tồn tại một ‘university’ trong một ‘university’.

<sup>8</sup> Ngẫu nhiên đây cũng là một loại TA rất bản ngữ của người nói TA có học vấn thấp hay TA không trang trọng (informal English) ở các nước Anh, Mỹ,...

Ngoài ra, dù được trang bị kiến thức về ‘thì’ (tense) rất kỹ với nhiều giờ ngữ pháp trong lớp học nhưng vì sự tri nhận về mối quan hệ về hành động và thời gian thông qua sự diễn đạt của động từ trong tiếng Việt là khá lỏng lẻo nên người Việt vẫn thường dùng lẫn lộn giữa thì ‘hiện tại đơn’ (present simple) và ‘hiện tại tiếp diễn’ (present continuous). Ví dụ khi hỏi nghề nghiệp, họ nói ‘Where are you working?’ (Anh đang công tác ở đâu?) thay vì ‘Where do you work?’. Ngược lại, họ nói ‘I don’t work today’ (Hôm nay tôi không đi làm) thay vì ‘I’m not working today’. Người Việt cũng thường đặt trạng ngữ thời gian đầu phát ngôn như ‘Yesterday I met him’,... Hay những câu kiểu như ‘Although she is beautiful *but* she isn’t intelligent’ thay vì ‘Although she is beautiful, (*yet*) she isn’t intelligent’ vẫn thường gặp ở một số người công tác trong những môi trường sử dụng TA trình độ cao.<sup>9</sup>

Về cấp độ ngữ dụng, người Việt có khuynh hướng nói những câu như “What are you doing?” hay “Have you eaten dinner?” với người khác để chào hỏi thay vì “How are you (doing) today?”. Ngay cả khi hỏi “How are you (doing) today?” thì người Việt cũng có những câu trả lời rất ‘thật’ về sức khoẻ của mình như ‘I’m not well today’ hay ‘I’ll ill today’ so với người nói TA bản ngữ, bởi lẽ họ có khuynh hướng không xem câu hỏi này là câu chào như một sáo ngữ (cliché) mang tính xã giao như người nói TA bản ngữ ... Đặc biệt, “tiếng Việt là ngôn ngữ của một nền văn hóa tôn ti” [9] nên cách xưng hô của nó ảnh hưởng không nhỏ lên cách dùng đại từ nhân xưng trong Vietlish. Thật vậy, văn hoá Việt không cho phép gọi tên trống không với người hơn tuổi hay địa vị cao nên để thỏa mãn với tâm thức này, khi nói TA, họ cũng thêm các chỉ tố nhân xưng vào trước

<sup>9</sup> Tất nhiên ở đây chúng tôi chưa bàn đến một vấn đề khá mâu thuẫn là càng nói đúng về ngữ pháp thì người nói càng bộc lộ tính phi bản ngữ.

mỗi tên riêng như *Uncle Ba* (Chú Ba), *Brother Hùng* (Anh Hùng), *Sister Hạnh* (chị Hạnh) hoặc *Teacher Thọ* (thầy Thọ).

#### 4.3. Những tranh cãi xung quanh hiện tượng ‘Vietlish’

Qua những phân tích trên đây, có thể thấy ‘Vietlish’ là một hiện tượng có thật nhưng cũng có không ít người phủ nhận nó. Họ cho rằng bất kỳ hiện tượng dùng TA nào thoát ra khỏi hệ thống TA bản ngữ đều chỉ là ‘cái na ná TA’ và không nên duy trì nó [10]; hay đó là hiện tượng ‘chuyển di tiêu cực’ (do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ) cần phải khắc phục và tiến đến loại bỏ nó một cách triệt để. Từ đó, theo truyền thống trong lý luận và phương pháp dạy học, nhiều nhà ngôn ngữ và phương pháp thường khuyên người học cố gắng nói TA giống như người Mỹ hay người Anh, người Úc, cố làm đúng theo hành vi giao tiếp của họ ngay cả khi giao tiếp TA với người không nói TA bản ngữ.

Thậm chí, chịu sự ảnh hưởng sâu nặng của mô hình bản ngữ, khi phân tích ‘lỗi’ mà người Việt hay “mắc phải” trong sử dụng TA, có ý kiến cho rằng ‘người bản ngữ thường bỏ qua các lỗi từ vựng, ngữ âm hoặc ngữ pháp nhưng lại ít khi tha thứ các lỗi ngữ dụng’ [11]. Thế nhưng tại sao lại ‘tha thứ’? Tại sao lại gọi là ‘lỗi’ khi mà người Việt Nam đơn giản chỉ dùng TA như công cụ giao tiếp, để phục vụ cho nhu cầu diễn đạt của chính họ? Điều này cho thấy vẫn tồn tại một quan điểm đi theo lý thuyết xuyên ngôn (interlanguage), dùng TA bản ngữ, tin rằng đó là một phiên bản TA duy nhất trên thế giới để theo đuổi và có thể đạt được, những gì khác với TA bản ngữ thì được phân tích theo kiểu phân tích lỗi (error/mistake analysis) và cho rằng đó là một sự yếu kém (difficiency). Trong khi đó Jenkins [1] cho rằng nếu coi TA như là một ngôn ngữ giao tiếp trung gian (lingua franca) thì hiện tượng ‘lỗi’ không phải

là lỗi chỉ là hiện tượng ‘khác’ (difference) của một biến thể TA khác.

Thật vậy, khi mà người ta lên án cái gọi là ‘na ná tiếng Anh’ của người Việt thì chính nó lại rất đúng với nguyên tắc ký hiệu học ngôn ngữ (linguistic semiotics). Theo nguyên tắc này, một ký hiệu (sign) luôn được hiện thực hoá với nhiều biến thể khác nhau. Vì vậy, ví dụ trước ý kiến cho rằng một người Việt phát âm từ “tree” mà người nói TA bản ngữ không hiểu thì coi như phát âm này sai [10] thì có ít nhất hai vấn đề cần đặt ra. *Thứ nhất*, tại sao người nói TA bản ngữ không hiểu thì phát âm đó lại là sai? Một người Thái Lan nói chuyện với một người Việt Nam bằng tiếng Anh thì mục đích của anh ta là làm sao cho người Việt hiểu mà hoàn toàn không có yếu tố người nói TA bản ngữ trong ngữ cảnh này. Bản chất của giao tiếp bằng TA là ‘bởi thế giới’ và ‘cho thế giới’ [4], không phải cho bất kỳ một dân tộc đơn lẻ nào, kể cả đó là dân tộc nói TA bản ngữ. Theo chúng tôi, đây là một trong những đặc trưng nổi bật nhất trong giao tiếp toàn cầu bằng TA. *Thứ hai*, chắc chắn sẽ có nhiều biến thể âm vị học từ từ ‘tree’ và không thể có một biến thể nào trùng khớp hoàn toàn với ký hiệu phiên âm trong từ điển, ngay cả phát âm của một người nói TA bản ngữ. Vậy thì biến thể nào bị coi là sai? Biến thể nào được coi là đúng? Trên thực tế không có một biến thể nào có thể được hiểu nếu người ta không tập nhận biết, tiếp thu và hiểu nó qua thời gian hoặc sự hỗ trợ của ngữ cảnh. Thật vậy, ngay cả hai người nói TA như tiếng mẹ đẻ nhưng khác phương ngữ cũng có thể coi TA của nhau như là một ‘cái na ná tiếng Anh’. Trường hợp giao tiếp giữa TA Cockney từ London và TA Harlem từ New York là một ví dụ điển hình.<sup>10</sup> Do đó, vấn đề nhận định và phê phán một hiện tượng biến đổi ngôn ngữ đôi khi

<sup>10</sup> Tương tự với trường hợp này, ngay ở tiếng Việt, một người Hà Nội lần đầu giao tiếp với người Nghệ An, anh ta có được quyền nói biến thể tiếng Việt Nghệ An là ‘một cái na ná tiếng Việt’ không?

không thuộc về luận cứ khoa học mà thuộc về tâm lý, tầm nhìn và quan điểm của người đánh giá.

Có một thực tế khó phủ nhận là khi hàng chục triệu con người dùng một hiện tượng ngôn ngữ nào đó không giống hoặc 'lệch chuẩn' với đặc điểm và qui luật vốn có của nó về ngữ nghĩa, ngữ dụng cũng như cú pháp (như các ví dụ Vietnam Register, Village Secretary Minh, I'm not well today) thì đây cũng là một quá trình họ đang hình thành một biến thể mới cho ngôn ngữ này trong bối cảnh ngôn ngữ- văn hoá (linguacultural context) thực tế của họ. Một hiện tượng TA 'sai' hoặc 'không phù hợp' nếu so với chuẩn mực của hệ thống TA bản ngữ nhưng có quá nhiều người sử dụng, hoặc được qui ước bởi quyền lực nhà nước, của cộng đồng nào đó, trải qua một thời gian dài, bắt đầu được nhận biết như một đặc trưng ngôn ngữ học xã hội của khu vực ấy thì nó không thể không trở thành một chuẩn mực mới trong mối quan hệ với TA bản ngữ. Tức là nó đã hình thành nên một hệ thống riêng. 'Hung is a worker', 'He ate like a horse' là TA bản ngữ nhưng 'Brother/Mr Hùng is a worker', 'He ate like a tiger' là Vietlish, không có gì là 'lỗi'. Qua đó, Crystal [12] đã nhận định 'lý do tại sao quá trình ngôn ngữ bị thay đổi một cách không dự đoán được chính là vì nó ở trong tay của quá nhiều người'. Thế nhưng vì đơn giản là để 'được' giống với TA bản ngữ, có người khuyên người học nên bỏ các chỉ tố nhân xưng như vậy, thậm chí có những tờ báo tin tức, tạp chí của người Việt viết bằng TA gọi những vị nguyên thủ quốc gia là 'Kiệt', 'Khải', 'Sang'. Hoặc rất thường xuyên ở các trường hợp khi chuyển sang diễn ngôn TA, người Việt đã 'xà xéo' chính tên họ của mình bằng cách viết không dấu để được hoà lẫn cùng TA (!). Tương tự với 'Hung' như ví dụ trên, một Nguyễn Thị Thanh Thủy nào đó được viết thành Nguyen Thi Thanh Thuy trong khi giữa 'Hùng', 'Hung' và 'Thủy', 'Thuy', 'Thùy',

'Thuy' là hoàn khác nhau và rất cần thiết để phân biệt về nhân thân của những con người khác nhau trong văn hoá-xã hội Việt.

Quan điểm Anh hoá mọi thứ hầu như không nhìn ra một lý lẽ là TA chỉ là phương tiện mà một khi đã là phương tiện thì nên phục vụ cho chủ phương tiện, không nên có tình trạng ngược lại, và quan trọng hơn, nó sẽ dẫn đến một hậu quả là làm cho người học vô cơ đánh mất bản sắc của họ. Với người nói TA bản ngữ, khi nghe những cách diễn đạt bằng TA nhưng chưa hiểu hay còn thấy xa lạ thì họ cần tiếp cận văn hoá Việt nhiều hơn nữa để hiểu người Việt. Với người Việt, khi dùng TA như là ngôn ngữ trung gian trong giao tiếp liên văn hoá thì theo quan điểm của Smith [13] càng phải không nên quên văn hoá nguồn (source culture) để chia sẻ văn hoá của mình với dân tộc khác. Tác giả này hoàn toàn có lý và công bằng khi phát biểu rằng "không có chỗ cho chủ nghĩa Sô vanh tồn tại trong ngôn ngữ".<sup>11</sup>[14]

## 5. Kết luận

TA ở Việt Nam, qua nhiều bước thăng trầm, theo quan niệm của chúng tôi, là một loại TA tổng hợp chịu ảnh hưởng bởi TA bản ngữ của vòng *Tâm*, TA như ngôn ngữ hai của vòng *Ngoài* và TA như ngoại ngữ của vòng *Mở rộng* mà ở đó nó chịu sức ép trực tiếp của những đặc thù vật chất và tinh thần của chính người Việt. Với số lượng người sử dụng ngày càng đông trong một đất nước ngày càng phải bắt kịp với xu thế toàn cầu hoá, phải chăng TA ở Việt Nam, nếu không phải bây giờ thì cũng trong một thời gian rất gần, cũng sẽ thuộc về 'World Englishes' hay nói cách khác là một biến thể TA thực sự có tên gọi là Vietlish? Dù sao đi nữa, việc sử dụng TA ngày nay, trong bất kỳ

<sup>11</sup> There is no room for linguistic chauvinism.

mức độ, mục đích, không gian, hình thức nào và với bất kỳ ai thì người sử dụng cũng được coi là thành viên giao tiếp trong “câu lạc bộ TA” có hơn 2 tỉ hội viên. Do đó, thiết nghĩ điều khôn ngoan nhất mà các dân tộc đang sử dụng TA ngày nay, kể cả người nói TA bản ngữ nên làm là cố gắng nhận biết, dung hoà và chấp nhận các biến thể của nhau.

### Tài liệu tham khảo

- [1] A. Kirkpatrick, *World Englishes: Implications for International Communication and English Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press, 2007.
- [2] J., Jenkins, *World Englishes*, Vol.28, No.2, pp.200–207, Blackwell Publishing Ltd: Oxford, UK, 2009.
- [3] B. Kachru, (ed.), *The Other Tongue* (Second edition), Urbana and Chicago: University of Illinois Press, (1992).
- [4] Ngô Hữu Hoàng, Tiếng Anh toàn cầu và giao tiếp giao văn hoá, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3 (286), Viện HLKHXH Việt Nam, Viện NNH, pp. 25-31, 2013.
- [5] Hoàng Văn Vân, The Current Situation and Issues of the Teaching of English in Vietnam. *Ritsumikan Studies in Language and Culture*, Vol.22, No.1, pp 7-12, 2010.
- [6] D. Nunan, The Impact of English as a Global Language, *TESOL QUARTERLY*, Vol. 37, No. 4, Winter, pp 589-613, 2003.
- [7] Từ điển *Wikipedia*, <http://vi.wikipedia.org/wiki/Vinish>
- [8] Ngô Hữu Hoàng, Toàn cầu hoá và ngôn ngữ toàn cầu: Một nghiên cứu quốc tế học về tiếng Anh. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, ĐHNH, ĐHQG Hà Nội, (2012).
- [9] Ngô Hữu Hoàng, Vai trò của văn hóa và kiến thức văn hóa nền trong việc hình thành và tiếp nhận diễn ngôn, Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, tập 28, số 1, pp. 25-31, 2012.
- [10] Nguyễn Phương, Họ nói một thứ ‘na ná’ tiếng Anh, <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2012-11-29-ho-noi-mot-thu-na-na-tieng-anh>.
- [11] Hoàng Xuân Hoa, Nghiên cứu giao văn hóa về hành vi phê bình của người Việt và người Mỹ, đề tài nghiên cứu khoa học cấp đại học quốc gia, ĐHQG Hà Nội, 2000.
- [12] Crystal, D. *English as a Global Language*, (Second edition), Cambridge: Cambridge University Press, 2003.
- [13] L. Smith, English as an international auxiliary language, *RELC Journal*, vol. 7, no. 2, pp. 38-42. Language. London: Longman, 1996.
- [14] L. Smith, English as an International Language: No Room for Linguistic Chauvinism. Readings in English as a Second Language. Ed. Smith L. E. Oxford: Pergamon Press, 7-11, 1983.

## On a Vietnamese English or Vietlish

Ngô Hữu Hoàng

*Faculty of Languages and Cultures of English-Speaking countries,  
University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi,  
Phạm Văn Đồng street, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Involved in the global spread and development of English, Vietnamese people have had a long-term and interesting approach to this language. Through their approach, it seems that the English in Vietnam is gradually belonging to ‘World Englishes’. In this observation, the paper is concerned with whether such English may be regarded as being ‘Vietnamese English’ or ‘Vietlish’.

*Keywords:* English, Vietnamese English, variety, native, non-native, language, culture